

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI ĐẦU TƯ TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6255 6789 Fax: (024) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3726 2600 Fax: (024) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ:



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3941 2626 Fax: (024) 3936 0750

Website: www.hnx.vn

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
I. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN:	3
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:	3
2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng:	3
3. Tổ chức tư vấn:	3
II. CÁC KHÁI NIỆM:	3
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG:	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	5
1.1. Giới thiệu chung:	5
1.2. Lĩnh vực kinh doanh:	6
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng:	7
3. Số cổ phần sở hữu:	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY):	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty:	11
3. Cơ cấu cổ đông:	16
4. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:	17
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
6. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	27
7. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo:	28
8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	29
9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	29
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	30
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:	32
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	33
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	33

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUÂN ĐỘI

Ông: **Lê Đăng Dũng**

Chức vụ: Quyền Chủ tịch kiêm Tổng Giám Đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Ông: **Phạm Đình Trường**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu về Công ty trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bà **Nguyễn Thị Thanh Vân**

Chức vụ: Phó giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

(Theo văn bản số 414/2020/MBS-CV ngày 09/10/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB).

Thông tin, dữ liệu sử dụng trong báo cáo này được cung cấp từ Tập Đoàn Công nghiệp – Viện thông Quân đội và Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel và được tham khảo từ các nguồn được coi là đáng tin cậy. Vì vậy, MBS sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu và giả định rằng Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel tuân thủ đầy đủ các luật và quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh.

II. CÁC KHÁI NIỆM:

1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức chuyển nhượng vốn/ thoái vốn: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (TẬP ĐOÀN VIETTEL).
- Tổ chức có vốn đầu tư cần chuyển nhượng / bị thoái vốn: Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel (Công trình Viettel).
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

	Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel thông qua.
- Vốn điều lệ:	Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.
- Cổ phần:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu:	Chứng chỉ do Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel
- Tập đoàn	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, công ty mẹ của Tổng Công ty Công trình Viettel
- TowerCo	Công ty chuyên đầu tư và cho thuê hạ tầng viễn thông
- DAS	Viết tắt của “Distributed Antenna System” là hệ thống phủ sóng viễn thông bằng dây ăng-ten trong tòa nhà cao tầng
- BTS	Viết tắt của “Base Transceiver Station” là trạm thu phát sóng di động trong viễn thông
- Trạm small cell	Trạm thu phát sóng di động cự ly ngắn, công suất thấp có vùng phủ sóng từ 10 mét đến 2 km
- Trạm Macro cell	Trạm thu phát sóng di động cự ly dài, công suất cao có vùng phủ trên 10 km.
- GNOC	Viết tắt của “Global Network Operation Center” là quy trình chuẩn hóa, được áp dụng trên toàn cầu trong vận hành khai thác hạ tầng, mạng lưới viễn thông.
- ADSL	Viết tắt của “Asymmetric digital subscriber line” là wifi được lắp đặt bằng sợi cáp đồng
- FTTH	Viết tắt của “Fiber-to-the-Home” là wifi được lắp đặt bằng sợi cáp quang
- MNOs	Viết tắt của “Mobile network operators” chỉ các doanh nghiệp vận hành mạng lưới viễn thông di động chung (bao gồm cả nhà mạng và TowerCo chuyên nghiệp)

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- BCTC	Báo cáo tài chính
- BKS	Ban kiểm soát
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- CĐBR	Cổ định băng rộng
- CP	Cổ phần

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- CMC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
- CTIN	Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện
- CNTT	Công nghệ thông tin
- ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông.
- Elcom	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông
- Hacisco	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- LNTT	Lợi nhuận trước thuế
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSLĐ	Tài sản lưu động
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- VDL	Vốn điều lệ.
- VHKT	Vận hành khai thác
- Việt Nam	Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung:

Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội được thành lập ngày 01/6/1989, từ một đơn vị thuộc Binh chủng Thông tin liên lạc, phát triển thành Tổng công ty (năm 2005) và trở thành Tập đoàn (năm 2009) trực thuộc Bộ Quốc phòng. Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý; hoạt động theo loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Bộ Quốc phòng.

Trong giai đoạn 2015 – 2020, Viettel luôn là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Viễn thông của cả nước với 65 triệu thuê bao di động, chiếm 54% thị phần (trong đó 45 triệu thuê bao data) và 5,8 triệu thuê bao Internet cáp quang chiếm 41,5% thị phần. Tổng doanh thu trong 5 năm đạt 1.230 nghìn tỷ đồng (tương đương tổng thu ngân sách Việt nam năm 2019), 200 nghìn tỷ lợi nhuận và đóng góp 195 nghìn tỷ cho ngân sách Nhà nước. Viettel hiện là thương hiệu giá trị nhất Việt Nam, đứng số 1 tại Đông Nam Á, thứ 9 tại Châu Á và thứ 28/150 nhà mạng có giá trị lớn nhất thế giới với giá trị thương hiệu đạt 5,8 tỷ USD.

Trong giai đoạn từ nay đến 2025, Viettel định hướng chuyển dịch từ Tập đoàn lấy viễn thông làm chủ đạo thành Tập đoàn công nghệ với bốn lĩnh vực chính, bao gồm: viễn thông, giải pháp CNTT và dịch vụ số, nghiên cứu sản xuất công nghiệp công nghệ cao, chuyển phát, logistics và thương mại; thực hiện tái định vị thương hiệu Viettel phù hợp với định hướng giai đoạn phát triển

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

thứ tư của Tập đoàn - giai đoạn chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0); Tiếp tục vươn ra thị trường quốc tế để hiện thực hóa trở thành một Tập đoàn kinh doanh toàn cầu; đảm bảo tính độc lập và toàn trình của các đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, khả năng cạnh tranh và năng lực khai phá những cơ hội kinh doanh mới, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, các công nghệ của CMCN 4.0 như AI, Big Data, Blockchain.

Với những định hướng đó, Viettel đặt mục tiêu trở thành Tập đoàn kinh tế năng động, hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao trong nước và nước ngoài, đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, đảm bảo cơ cấu ngành nghề hợp lý; hình thành một hệ sinh thái mạnh, đóng vai trò trung tâm kết nối số, trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt 5 - 6%/năm giai đoạn 2021-2025, dự kiến tăng lên 7% trong giai đoạn 2026-2030 và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 2- 3%/năm, dự kiến tăng lên 4% trong giai đoạn 2026-2030.

Tên Công ty:	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
Tên tiếng anh:	VIETTEL GROUP
Tên viết tắt:	VIETTEL
Trụ sở:	Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	024.6255.6789
Fax:	024.6299.6789
Website:	www.viettel.com.vn
Logo:	

Giấy CNĐKKD: Số 0100109106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 05/12/2019.

Vốn nhà nước thực tế tại thời điểm 30/12/2019: 140.939.462.550.443 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

*** Ngành, nghề kinh doanh chính:**

✓ Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh, truyền

hình, truyền thông đa phương tiện; hoạt động thông tin và truyền thông; hoạt động thương mại điện tử, bưu chính, chuyển phát. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Sản xuất kinh doanh các dịch vụ ứng dụng, dịch vụ giá trị gia tăng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình. Cung ứng dịch vụ tài chính, dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, trung gian tiền tệ; dịch vụ trò chơi điện tử, trang tin điện tử, mạng xã hội và các dịch vụ khác được phát triển trên nền tảng công nghệ, dịch vụ, sản phẩm mà VIETTEL cung cấp.

- ✓ Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, lập dự án, quản lý dự án đầu tư, xây lắp, điều hành, vận hành khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê công trình, thiết bị, hạ tầng mạng lưới viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác ở trong nước và nước ngoài.
- ✓ Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, bảo dưỡng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, trang thiết bị kỹ thuật quân sự; phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng, vũ khí, khí tài, đạn dược, sản phẩm hóa chất, vật tư hóa chất chuyên dụng, thuốc nổ, vật liệu nổ (các loại bột thuốc nổ, thuốc phóng, ngòi nổ, kíp nổ); các phương tiện chiến đấu, phục vụ chiến đấu, máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan; thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển, công cụ hỗ trợ phục vụ quốc phòng, an ninh.
- ✓ Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất, sửa chữa; kinh doanh sản phẩm, dịch vụ; cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu hàng lưỡng dụng (gồm trang thiết bị kỹ thuật, dịch vụ, vật tư, hàng hóa, có thể sử dụng cho quốc phòng và cả trong lĩnh vực kinh tế - xã hội).
- ✓ Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển; nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh, thương mại, phân phối, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sản phẩm, máy móc, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình và truyền thông đa phương tiện.
- ✓ Nghiên cứu phát triển, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và an toàn thông tin mạng.

*** *Ngành, nghề kinh doanh liên quan:***

- ✓ Hoạt động quảng cáo, nghiên cứu thị trường; hoạt động tư vấn quản lý tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- ✓ Hoạt động kinh doanh bất động sản (đối với các dự án hiện có, không đầu tư dự án mới); cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất (đối với phần diện tích của trụ sở, văn phòng làm việc, cơ sở, địa điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của VIETTEL nhưng chưa sử dụng hết).
- ✓ Hoạt động thể thao; đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở trong nước và nước ngoài của Tập đoàn VIETTEL.

*** *Tùy từng thời điểm và tình hình SXKD, Viettel được bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.***

2. **Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng:** Cổ đông lớn.
3. **Số cổ phần sở hữu:** 51.554.737 cổ phần (chiếm 73,22% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY):**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****1.1. Thông tin cơ bản về Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel:**

Tên công ty	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Tên giao dịch quốc tế	Viettel Construction Joint Stock Corporation
Tên viết tắt	CTR
Vốn điều lệ	704.081.250.000 đồng
Trụ sở chính	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Website	https://viettelconstruction.com.vn/
Thời điểm bắt đầu niêm yết	31/10/2017
Điện thoại	+84.862.081.111
Sàn giao dịch	UpCom
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0104753865, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 29 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
Ngành nghề kinh doanh	- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Cho thuê hạ tầng viễn thông; - Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; - Sản xuất, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị bưu chính – viễn thông – công nghệ thông tin; - Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; - Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây; - Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**a. Lịch sử hình thành***** Giai đoạn 1995 – 2000:**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Công trình Viettel là Xí nghiệp Xây lắp Công trình trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel sau này), được ra đời ngày 30/10/1995 với công việc chủ yếu là thi công lắp dựng các cột anten cho tuyến thông tin quân sự cấp 2 của Binh chủng thông tin; xây dựng các công trình thông tin cho ngành Bưu điện, Phát thanh, vô tuyến truyền hình tại một số địa phương. Trong đó có một số công trình tiêu biểu như công trình thông tin cho Bưu điện Đà Nẵng gồm các cột anten Hội An, Duy Xuyên, Núi Thành, Bưu điện Quảng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngãi, tháp truyền hình Tam Kỳ, Quảng Nam; các trạm phát sóng chuyển tiếp Đài truyền hình Tam Đảo, Đài truyền hình Ninh Bình, Đài truyền hình Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

*** Giai đoạn 2000 – 2003:**

Xí nghiệp đã thực hiện công tác xây lắp và bảo dưỡng các tháp anten viba tổng đài mạng cáp cho các đơn vị cơ quan nhà nước, quân đội, tham gia xây lắp tuyến trục Bắc – Nam giai đoạn 1 dài gần 2.000km và đảm bảo thông tuyến đạt đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Trong giai đoạn này doanh thu của Xí nghiệp chiếm 2/3 doanh thu của toàn Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.

*** Giai đoạn 2003 – 2005:**

Ngày 30/9/2003 Trung tâm dịch vụ kỹ thuật sát nhập với Xí nghiệp Xây lắp Công trình lấy tên là Xí nghiệp Xây lắp Công trình với các công việc chủ yếu bao gồm: Tổ chức thi công lắp đặt, bảo hành bảo dưỡng các thiết bị cho các công trình trực thuộc lĩnh vực Điện tử Viễn thông – Công nghệ thông tin trong và ngoài Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.

*** Giai đoạn 2005 – 2010:**

Ngày 6/4/2005 Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 45/2005/QĐ-BQP về việc thành lập Tổng công ty Viễn thông Quân đội, tiền thân là Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội. Xí nghiệp Xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel và được giao thực hiện toàn bộ công trình xây lắp hạ tầng cơ sở mạng viễn thông trong nước và quốc tế của TCT Viễn thông Quân đội.

Tháng 4/2006, Tổng công ty Viễn thông Quân đội quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty từ hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công trình Viettel.

*** Giai đoạn 2010 – 2013:**

Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có Quyết định số 135/QĐ-BQP về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công trình Viettel thành Công ty Cổ phần Công trình Viettel. Đồng thời, Công ty mở rộng tham gia thi công tại các thị trường Haiti, Peru, Cameroon, Mozambique theo hướng phát triển của Tập đoàn Viettel.

Ngày 08/4/2010, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả: 100% cổ phần chào bán thành công, giá đấu giá thành công bình quân 14.484 đồng/cổ phần – cao hơn 44,8% giá khởi điểm.

Ngày 09/06/2010 công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010, với vốn điều lệ là 238.000.000.000 đồng

*** Giai đoạn 2014 – 2017:**

Tháng 4/2017, Công ty chính thức mở rộng ngành nghề sang hướng dịch vụ: dịch vụ vận hành khai thác (VHKT) toàn bộ hạ tầng mạng lưới viễn thông của Tập đoàn Viettel trong nước (62 Tỉnh/TP trên cả nước).

Do nhu cầu của công tác vận hành khai thác mạng lưới viễn thông, quy mô nhân sự Công ty đã tăng gấp 10 lần từ khoảng 1.000 người lên gần 10.000 CBCNV. Đây là lĩnh vực được xác định là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty trong giai đoạn tới.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

* Giai đoạn 2018 – nay:

ĐHĐCĐ 2018 của Tổng Công ty xác định mục tiêu chuyển dịch từ đơn vị xây lắp và vận hành khai thác viễn thông thành nhà đầu tư và cho thuê hạ tầng viễn thông (TowerCo) số một Việt Nam. Tính đến quý 2/2020, Công trình Viettel đang sở hữu sở hữu 4 tuyến ngầm hóa (21,8km) tại Hà Nội; hạ tầng DAS tại 20 tòa nhà (2,5 triệu m²) tại Hà Nội, TP HCM, Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Quảng Ninh; hạ tầng cố định băng rộng tại 02 tòa (4.400 căn hộ) tại Huế, Hà Nội; 239 trạm BTS smallcell và 414 trạm BTS macro; 2.600 km² cáp quang.

b. Các thành tựu của Công trình Viettel trong thời gian qua:

Năm 2008	Đón nhận cờ thi đua của Chính Phủ
Năm 2010	Đón nhận huân chương lao động Hạng 3 và cờ thi đua của Tập đoàn Viettel
Năm 2013	Đón nhận bằng khen của Bộ Quốc phòng
Năm 2015	Đón nhận Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì Đón nhận danh hiệu đơn vị Quyết thắng của Tập đoàn
Năm 2017	Đón nhận Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng Đón nhận cờ thi đua của Chính phủ;
Năm 2019	Đón nhận bằng khen của Bộ Quốc phòng Lọt top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).

c. Quá trình tăng vốn:

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đã 7 lần tăng vốn điều lệ từ 238.000.000.000 đồng năm 2010 lên 704.081.250.000 năm 2020.

Các đợt tăng vốn của Công ty như sau:

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (ĐVT: VNĐ)	Hình thức phát hành
	2010		238.000.000.000	Chuyển đổi (CPH) từ DNNN
1	07/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 tỷ lệ 15%
2	11/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 12%
3	07/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Tỷ lệ thực hiện quyền: 25%
4	10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 12%
5	07/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 tỷ lệ 10%
6	01/2019	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%

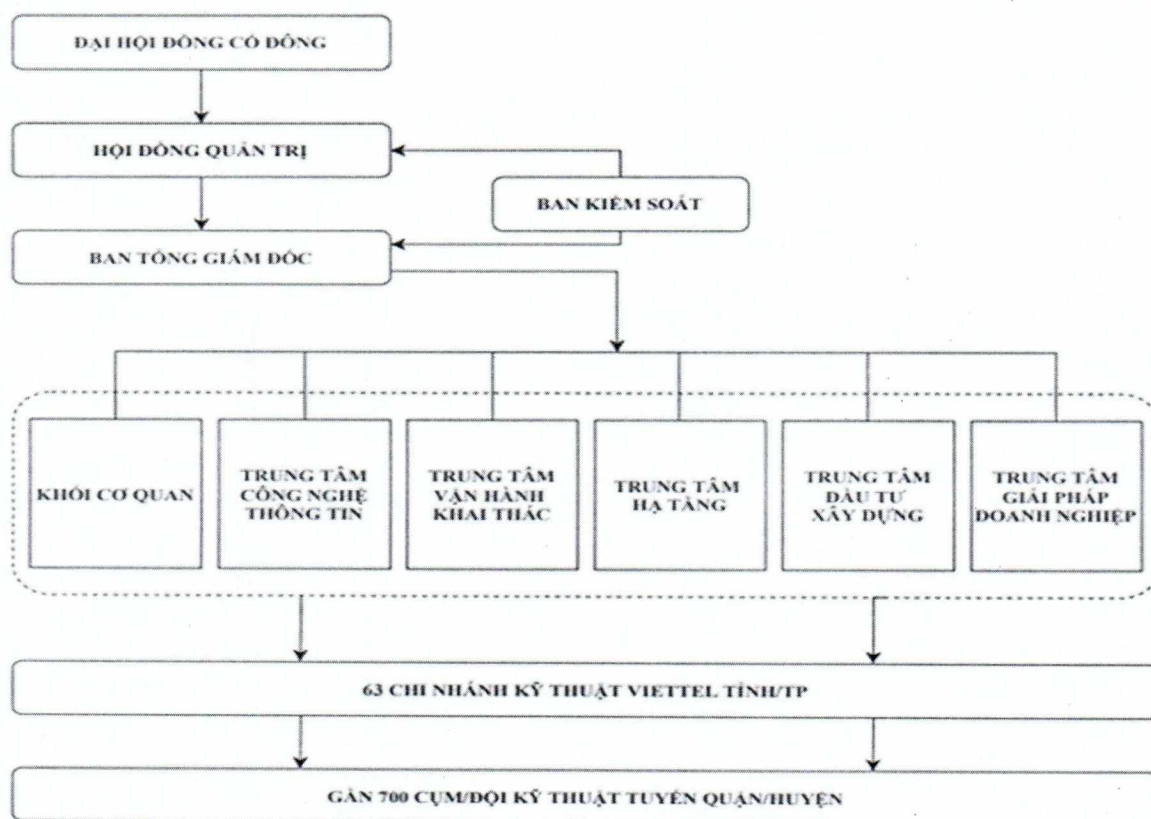
BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành (ĐVT: VNĐ)	Hình thức phát hành
7	10/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 17,1%
8	09/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 16,05%

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020, HĐQT công ty đã có Nghị Quyết số 65/NQ-VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2020 với số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 1.408.163 cổ phiếu (tương đương 2% số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại của CTR). Ngày 26/10/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 6395/UBCK-QLCB xác nhận việc cung cấp tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của CTR. Theo đó, thời gian thực hiện đợt phát hành từ ngày 28/10/2020 đến ngày 05/11/2020. Trường hợp CTR phát hành thành công toàn bộ số phần trên thì vốn điều lệ của CTR sẽ tăng thêm 14.081.630.000 VNĐ lên mức 718.162.880.000 đồng. Số lượng cổ phiếu CTR do Viettel sở hữu không thay đổi tuy nhiên tỷ lệ sở hữu của Viettel tại CTR dự kiến sẽ giảm từ 73,22% về 71,79%.

2. Cơ cấu tổ chức công ty:

2.1. Sơ đồ tổ chức:



2.2. Diễn giải sơ đồ tổ chức:

a. Đại hội đồng cổ đông:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Công ty.

b. Hội Đồng Quản Trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Danh sách thành viên HĐQT: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị có sự hiện diện của nhiều nhân sự cấp cao thuộc Tập đoàn Viettel, cho thấy Công trình Viettel là một trong những Công ty nòng cốt trong hệ thống Tập đoàn.

Thành viên	Ghi chú
Ông Nguyễn Đình Chiến Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Viettel Gia nhập Tập đoàn Viettel từ năm 2001, Ông Nguyễn Đình Chiến đã có gần 20 năm công tác trong Tập đoàn và trải qua nhiều vị trí như Giám đốc Trung Tâm, Viện trưởng viện nghiên cứu của Tập đoàn Viettel. Với chuyên môn về Điện tử Viễn Thông, cùng với kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp của mình, ông Nguyễn Đình Chiến được cử làm người đại diện vốn của Tập Đoàn Viettel tại Công trình Viettel.
Ông Phạm Đình Trường Thành viên HĐQT	Kiểm Tổng Giám đốc Công ty Có hơn 18 năm kinh nghiệm quản lý vận hành kỹ thuật hạ tầng của Tập đoàn Viettel trong đó có gần 6 năm là lãnh đạo cao cấp (Phó TGD, TGD) của Tổng Công ty Mạng lưới Viettel – đơn vị trực tiếp quản lý, điều hành mạng lưới của Tập đoàn Viettel trên toàn cầu.
Bà Nghiêm Phương Nhi Thành viên HĐQT	Trưởng Ban Đầu Tư Tài Chính – Tập đoàn Viettel Bà Nghiêm Phương Nhi là Thạc Sĩ, Chuyên ngành Kinh Doanh Quốc Tế. Bà gia nhập Tập đoàn Viettel từ năm 2007 và đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Đầu Tư Tài Chính của Tập đoàn Viettel từ năm 2008. Bà Nhi có nhiều năm kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp và từng đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của các Tổng Công ty, Công ty lớn tại Việt Nam bao gồm Vinaconex (giai đoạn 2017 - 2019), Tổng Công ty Bưu chính Viettel và Công ty CP Xi Măng Cẩm Phả.
Ông Bùi Thế Hùng Thành viên HĐQT	Kiểm Phó Tổng Giám đốc Công ty Có gần 18 năm kinh nghiệm trong đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông tại Tập đoàn Viettel với gần 6 năm trực tiếp quản lý điều hành các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông của Viettel trên phạm vi toàn cầu.
Ông Nguyễn Tất Trường	Cử nhân Công nghệ thông tin

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thành viên HĐQT

Có gần 10 năm trong lĩnh vực kỹ thuật và 5 năm phụ trách mảng Kiểm soát nội bộ của đơn vị phụ thuộc trong Tập đoàn Viettel.

c. Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc chuyên môn.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên	Ghi chú
Ông Phạm Đình Trường Tổng Giám Đốc	Kiểm Thành viên HĐQT Công ty
Ông Bùi Thế Hùng Phó Tổng Giám đốc	Kiểm Thành viên HĐQT Công ty
Ông Nguyễn Huy Dũng Phó Tổng Giám đốc	Ông Dũng có trình độ MBA đại học Griggs, Hoa Kỳ và có hơn 18 năm công tác trong quản lý chất lượng, điều hành mảng kỹ thuật, quy hoạch thiết kế mạng lưới Viễn thông tại các đơn vị trong nước và tại nước ngoài của Tập đoàn Viettel.
Ông Nguyễn Thái Hưng Phó Tổng Giám đốc	Gia nhập Công ty từ năm 2004, Ông Hưng có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp và phụ trách trực tiếp các xí nghiệp xây lắp của Công Trình Viettel.
Bà Đào Thu Hiền Phó Tổng Giám đốc	Có hơn 11 năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh, tìm kiếm nguồn khách hàng mới, bên ngoài Viettel

d. Ban Kiểm Soát:

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tổng Công ty và hiện có 3 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên	Ghi chú
Ông Ngô Quang Tuệ Trưởng BKS	Trải qua nhiều vị trí trong và ngoài Tập đoàn Viettel: Có 02 năm kinh nghiệm làm Kế toán tại Tổng công ty Sông Đà và gần 14 năm kinh nghiệm tại Viettel (từ 2006); Tại Viettel có 07 năm làm công tác tài chính kế toán và giữ chức vụ Trưởng ban Kế toán chuyên quản tại TCT Viễn thông Viettel, gần 05 năm làm chuyên viên Thanh tra kiểm toán tại Tập đoàn Viettel và 02 năm kinh nghiệm kiểm soát viên; Nghịệp vụ đã được đào tạo cấp chứng chỉ: Quản trị rủi ro của Coso; nghiệp vụ Thanh tra của Trường Thanh tra Chính phủ và nghiệp vụ kiểm soát viên doanh nghiệp do Viện phát triển công nghệ tài chính đào tạo,...

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Mai Thị Anh

Thành viên BKS

Có hơn 4 năm kinh nghiệm làm việc về tài chính, kế toán tại Lữ đoàn 99 - Binh đoàn 12 - Bộ Quốc Phòng.

Làm việc tại Viettel từ 2005: Có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc về tài chính, kế toán tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Có 02 năm kinh nghiệm kiểm soát viên.

Đã được đào tạo cấp chứng chỉ nghiệp vụ Kiểm soát viên doanh nghiệp do Viện phát triển công nghệ tài chính cấp.

Ông Phạm Hồng Quân

Thành viên BKS

Gia nhập Tập đoàn Viettel từ năm 2004; Có hơn 10 năm làm công tác quản lý, đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau từ kế toán trưởng đơn vị đến trưởng phòng quản lý nghiệp vụ tại Tập đoàn.

e. Khối cơ quan:

Phòng Kinh doanh:

- Nhiệm vụ Dự án: Tìm kiếm nguồn việc, tham gia đấu thầu trong và ngoài Tập đoàn; Đánh giá và kiểm soát hiệu quả các hợp đồng trong Công ty.
- Nhiệm vụ thị trường nước ngoài: Đánh giá và kiểm soát hiệu quả các hợp đồng, hiệu quả kinh doanh tại các thị trường nước ngoài; Nghiên cứu, tìm kiếm xu thế của thị trường, chỉ ra các cơ hội, đối tượng khách hàng giao chỉ tiêu cho các đơn vị thực hiện.

Phòng Đầu tư:

- Là đầu mối của Công ty trong lĩnh vực đầu tư dự án giao diện với Hội đồng quản trị để bám nắm thủ tục hồ sơ, chủ trương; tổ chức thực hiện, đảm bảo vật tư, chi phí, hiệu quả ...
- Tham mưu, đề xuất các chủ trương/ kế hoạch đầu tư mua sắm, xây lắp;
- Quản lý công tác Lựa chọn nhà thầu mua sắm; đảm bảo vật tư, thiết bị cho Xây lắp và Vận hành khai thác;
- Tìm kiếm nguồn việc thương mại đầu ra cho Công ty, đảm bảo doanh thu theo chỉ tiêu do Ban Tổng Giám đốc Công ty giao;
- Tìm kiếm đối tác sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Phòng Kỹ thuật công nghệ:

- Chủ trì việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào các hoạt động SXKD toàn Công ty: Tìm kiếm, hội thảo, thử nghiệm và đánh giá;
- Chịu trách nhiệm toàn bộ công tác quản lý chất lượng kỹ thuật trong Công ty;

Phòng Kế hoạch:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch ngày/ tuần/ tháng/ quý/ năm của Công ty;
- Tổng hợp, đánh giá báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ của Công ty;

Phòng Quản lý tài sản:

- Đảm bảo vật tư, hàng hóa nhập kho/điều chuyển/xuất kho đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tới các CNKT.
- Quản lý vật tư, hàng hóa trong kho và thực hiện công tác kiểm kê theo quy định; quản lý các tài sản mạng lưới của Tập đoàn, Công ty.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phòng Tổ chức Lao động:

- Tổ chức biên chế, mô hình tổ chức, định biên, tuyển dụng, điều động;
- Tiền lương, chính sách: thực hiện tính, chi trả lương, các chế độ chính sách cho người lao động: BHXH, BHYT, ATLĐ...

Phòng Tài chính kế toán:

- Hạch toán; hướng dẫn về nghiệp vụ hạch toán, lập chứng từ, ghi sổ kế toán, đối chiếu kiểm tra số liệu trên sổ sách với thực tế, lập báo cáo tài chính...theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; theo dõi công nợ; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm quy định của Nhà nước, Tập đoàn về quản lý tài chính, kế toán;
- Đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổng hợp, phân tích số liệu, cảnh báo, đánh giá hiệu quả các mảng hoạt động của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý của Tập đoàn và lãnh đạo Công ty;

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ: Thực hiện công tác soạn thảo, thẩm định, tư vấn văn bản pháp lý, thủ tục hoạt động SXKD; đảm bảo hoạt động công ty cổ phần; công tác kiểm soát nội bộ, thanh tra, kiểm tra & giải quyết khiếu nại;

Phòng Hành chính: Thực hiện công tác hậu cần, quân y; quản lý và sử dụng ô tô & trang thiết bị văn phòng của công ty, văn thư lưu trữ; Quản lý hoạt động văn phòng, an ninh bảo vệ;

Phòng Chính trị: thực hiện các công tác đảng, công tác chính trị, quản lý tư tưởng, thi đua, khen thưởng, bảo vệ an ninh, dân vật, xây dựng đảng của Công ty.

Phòng Đào tạo & Truyền thông: phụ trách thiết kế các khóa đào tạo nội bộ, truyền thông nội bộ và bên ngoài của Công ty.

2.3. Danh sách các công ty con tại 30/06/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	VĐL	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tài sản tại 30/06/2020	Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2020	LNST 6 tháng đầu năm 2020
1	Viettel Construction Peru	Thủ đô Lima, Peru	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông	208	99,90 %	22.109	35.319	2.719
2	Viettel Construction Mozambique	Thủ đô Maputo, Mozamb ique	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông	339	99,25 %	50.704	21.198	321
3	Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm- Pênh, Campuc hia	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông	215	99,6%	14.626	12.947	129

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

T T	Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	VĐL	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tài sản tại 30/06/2020	Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2020	LNST 6 tháng đầu năm 2020
4	Viettel Construction Myanmar	Thủ đô Pyinmana, Myanmar	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông	3.379	99,95%	79.614	60.843	2.732
5	Viettel Construction Laos	Thủ đô Vientiane, Lào	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông	890	100%	20.999	19.321	638
6	Viettel Construction Tanzania (*)	Thành phố Dares Salaam, Tanzania	Quản lý thi công, lắp đặt công trình điện tử, viễn thông					

Nguồn: BCTC bán niên soát xét 2020 của CTR

(*) Công ty Viettel Construction Tanzania đã ngừng hoạt động từ năm 2019 và hiện đang làm các thủ tục quyết toán thuế tại Tanzania trước khi làm thủ tục giải thể tại Việt Nam.

3. Cơ cấu cổ đông:

a. Cơ cấu cổ đông tại 04/08/2020:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	3.802	69.875.188	99,2%
1	Cá nhân	3.786	17.391.808	24,7%
2	Tổ chức	16	52.483.380	74,5%
II	Cổ đông nước ngoài	71	532.937	0,8%
1	Cá nhân	67	324.076	0,5%
2	Tổ chức	4	208.861	0,3%
III	Cổ phiếu quỹ		-	0,0%
IV	Tổng	3.873	70.408.125	100,0%

Nguồn: Công trình Viettel

b. Cổ đông lớn tại 04/08/2020:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VĐL thực góp
1	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Lô D26, ngõ 3, đường Tôn Thất Thuyết, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	51.554.737	73,22%
Tổng cộng			51.554.737	73,22%

Nguồn: Công trình Viettel

4. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

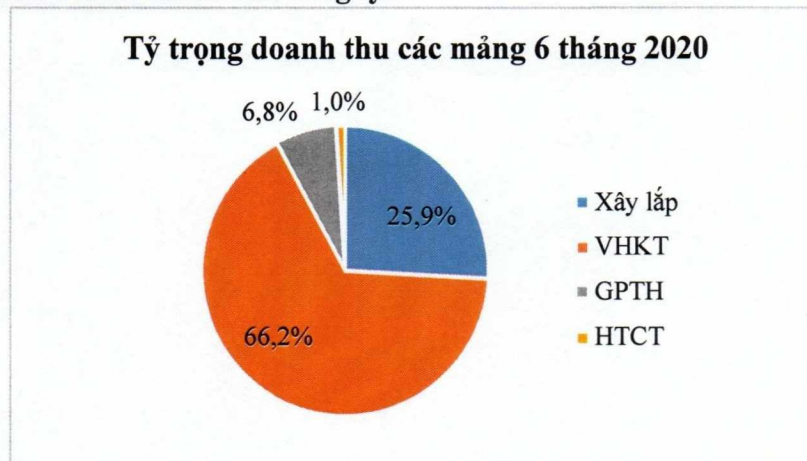
4.1. Mô hình kinh doanh và tiềm lực:

Công trình Viettel (CTR) có bề dày kinh nghiệm 25 năm xây dựng và phát triển đã trở thành **Công ty số 01 Việt Nam** trong lĩnh vực Xây lắp và Vận hành khai thác hạ tầng Viễn thông tại Việt Nam. Để đạt được những thành tựu này và vươn đến những đỉnh cao mới, công ty đã luôn phát huy được tối đa sức mạnh nội lực: Đội ngũ nhân sự lành nghề và giàu kinh nghiệm; Hạ tầng và thiết bị vận hành khai thác có quy mô lớn nhất Việt Nam; Chiến lược rõ ràng, khả thi, lâu dài với tiềm lực tài chính mạnh và tinh thần đoàn kết, kỷ luật quân đội:

Các điểm mạnh góp phần làm nên thương hiệu Công trình Viettel:

- **Nhân lực:** Là sự kết hợp giữa nhân sự có kinh nghiệm, trình độ, cùng với khát vọng và đội ngũ trẻ năng động
 - Ban Điều hành công ty đều có trình độ thạc sĩ, sở hữu nhiều chứng chỉ trong lĩnh vực xây lắp và vận hành khai thác mạng viễn thông, có gần 20 năm kinh nghiệm trong nghề.
 - Đội ngũ chuyên gia hơn 8.000 kỹ sư viễn thông, CNTT dày dặn kinh nghiệm với 15-20 năm kinh nghiệm trong xây lắp, đầu tư, quản lý và phát triển hạ tầng viễn thông và CNTT; đạt nhiều giải thưởng cấp quốc tế.
 - Lực lượng lao động đông đảo phủ khắp 63 tỉnh thành phố lên tới 10.000 người, là nhân tố trọng yếu thúc đẩy phát triển các ngành nghề kinh doanh truyền thống và mở rộng ngành nghề kinh doanh mới.
 - Ban Giám đốc đã chú trọng vào công tác đào tạo nhân sự, tổ chức những khóa học chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao để mỗi kỹ sư, chuyên gia của công ty có thể phụ trách tư vấn nhiều mảng, nhiều phương diện. Ngoài ra, công ty cũng đã tổ chức đào tạo Tiếng Anh với mục tiêu hướng tới các công việc tại thị trường nước ngoài.
- **Truyền thống và cách làm của người lính:** Công trình Viettel, với nguồn gốc từ Viettel có truyền thống và cách làm của người lính: tinh thần kỷ luật, phát huy tập thể, không sợ khó, không sợ khổ. Truyền thống này được tiếp nối qua từng thế hệ, ngấm vào tiềm thức của mỗi cán bộ Công trình Viettel.
- **Kỹ thuật - Công nghệ:** Công ty liên tục đầu tư phần mềm công nghệ, cải tiến quy trình, tối ưu hóa các công đoạn kỹ thuật, rút ngắn thời gian trong quá trình vận hành khai thác, được sử dụng áp dụng các quy trình vận hành hạ tầng toàn cầu (GNOC – Global network operation center) chuyên nghiệp về Managed services do Ericsson chuyển giao.
- **Tiềm lực tài chính vững mạnh và hỗ trợ của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội:** Là công ty con của Tập đoàn Viettel, công ty được tạo những điều kiện tốt nhất về nhiều mặt như: hệ thống mạng lưới, khách hàng lớn, tiềm lực tài chính, nhân sự cốt lõi, hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị cải tiến, hiện đại. Cùng với sự hỗ trợ kịp thời của Công ty Mẹ, những vướng mắc thường được giải quyết triệt để, đồng thời định hướng phát triển của Công ty trong từng lĩnh vực đều được tư vấn, hỗ trợ chi tiết.

4.2. Các mảng kinh doanh chính của công ty:



a. **Vận hành khai thác (VHKT):**

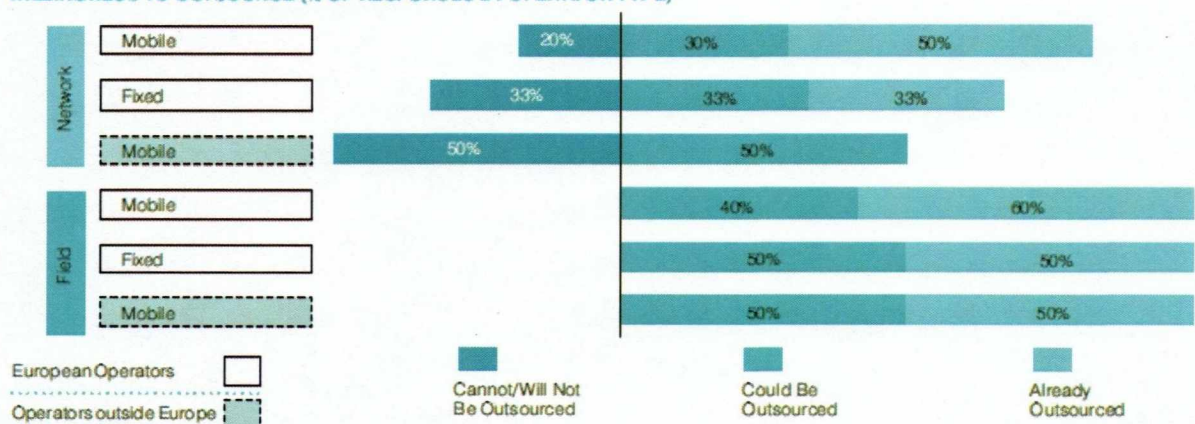
- **Ngành nghề kinh doanh:**

Duy trì, vận hành, bảo dưỡng và thay thế các công trình hạ tầng viễn thông bao gồm: 1) trạm thu phát sóng (BTS); 2) tuyến truyền dẫn cáp quang; 3) hệ thống đầu nối viễn thông và 4) hệ thống CNTT của hạ tầng viễn thông.

- **Tiềm năng và vị thế ngành:**

Công trình Viettel hiện là đơn vị vận hành khai thác mạng lưới hạ tầng lớn nhất Việt Nam với nguồn công việc lớn và ổn định khi trực tiếp vận hành hạ tầng viễn thông của Công ty mẹ - Tập đoàn Viettel. Trên thị trường viễn thông thế giới, nhu cầu về thuê bên thứ 3 (outsourcing) trong hoạt động VHKT ngày càng tăng để các nhà mạng tối ưu chi phí, tập trung nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Theo thống kê của Hiệp hội Viễn thông Thế Giới (GSMA), khoảng 50% các nhà mạng trên thế giới đã thuê bên thứ 3 vận hành, bảo dưỡng hạ tầng. Với xu thế trên, hoạt động VHKT của Công trình Viettel sẽ ngày càng mở rộng về quy mô nhờ tìm kiếm được các nguồn việc mới. Tại Việt Nam, các chính sách của Chính phủ bao gồm quyết tâm đưa ứng dụng công nghệ 5G vào thương mại; đẩy mạnh chuyển đổi số tất cả mọi mặt của xã hội cũng làm tăng nhu cầu mở rộng hạ tầng viễn thông và mang lại nguồn việc to lớn cho CTR.

WILLINGNESS TO OUTSOURCE (% OF RESPONSES BY OPERATOR TYPE)



CTR nắm trong tay những nhân tố quyết định để thành công trong lĩnh vực VHKT bao gồm: 1) sở hữu đội ngũ kỹ thuật viên số lượng 8.000 người, nhiều nhân sự được xếp vào nhóm có trình độ cao bậc nhất Việt Nam với hơn 20 năm kinh nghiệm vận hành mạng lưới cho công ty mẹ - Tập Đoàn Viettel; 2) hơn 550 xe tải chuyên dụng, máy móc chuyên dụng phục vụ vận hành ở khắp mọi

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

nơi trên toàn quốc và 3) quy trình kỹ thuật đạt chuẩn quốc tế do Ericsson chuyên giao. Những yếu tố trên đóng góp trực tiếp vào những thành tựu của công ty trong giai đoạn 2016 – 2020.

- **Kết quả đạt được:**

• *Về khách hàng và thị trường:*

Tính đến tháng 06/2020, Công Trình Viettel đang triển khai vận hành khai thác mạng truy nhập của Viettel cho 62 tỉnh/Thành phố trên cả nước với số lượng vận hành 34.000 trạm BTS, 3.000 đôi dây thuê bao, tại 26 tỉnh tại thị trường Cambodia và thị trường Myanmar. Bên cạnh đó, Công Trình Viettel cũng đẩy mạnh hoạt động vận hành mạng cáp quang cho các đơn vị bên ngoài Tập Đoàn như 1,500 km cáp quang của Bộ Công An, và 126 trạm cho Towerco NTD tại Myanmar.

• *Về tài chính:*

Doanh thu 2019 đạt 3.369 tỷ đồng, chiếm 66,4% tổng doanh thu 2019 và tăng so 22,3% với 2018. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1.787 tỷ đồng, chiếm 66,4% tổng doanh thu.

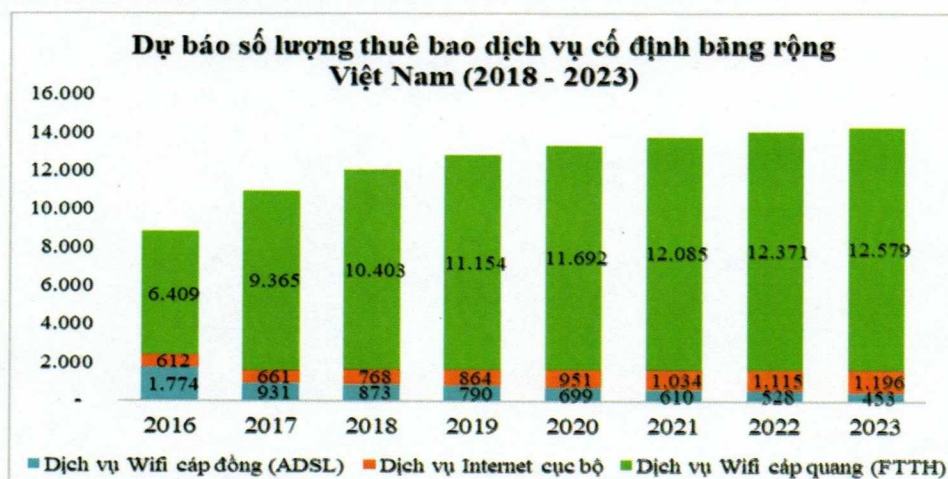
b. **Xây lắp:**

- **Ngành nghề kinh doanh:** xây dựng, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, gia cố các công trình viễn thông và công nghệ thông tin.

- **Vị thế và xu thế ngành:**

Là đơn vị xây dựng viễn thông đứng đầu Việt Nam, Công trình Viettel đã xây dựng được hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông Việt Nam với hơn 50.000 trạm phát sóng, hơn 142.000 km cáp quang phủ đến 100% các huyện/xã, biển đảo, hải đảo trên lãnh thổ Việt Nam. Đồng thời Tổng công ty còn tiên phong tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông Viettel tại 09 quốc gia tại Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ.

Thị trường xây dựng hạ tầng viễn thông đã bão hòa, nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông của các nhà mạng viễn thông trong nước ngày càng giảm. Các nhà mạng đã đầu tư xây dựng mạng lưới viễn thông trong thời gian khá dài; mạng viễn thông cơ bản đã hoàn chỉnh và đi vào khai thác. Hiện nay, các nhà mạng chủ yếu sẽ đầu tư xây dựng các trạm viễn thông cỡ nhỏ và tương lai gần là đầu tư xây dựng mạng 5G. Do vậy, Công trình Viettel tập trung mở rộng hoạt động xây lắp sang các lĩnh vực nhiều tiềm năng như đường truyền hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị cho đô thị thông minh và đặc biệt là Internet cáp quang. Nhu cầu về thuê bao dịch vụ cố định băng rộng dự báo tăng trưởng 13,3%/năm trong giai đoạn 2016-2023.



Nguồn: Cục Viễn thông, Bộ TTTT

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngoài ra, với cơ cấu dân số trẻ ở Việt Nam (cơ cấu dân số trẻ với 70% dân số có độ tuổi dưới 35), tốc độ đô thị hóa cao (giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ dân thành thị tiếp tục tăng đạt 40,91% vào năm 2025 và 44,45% năm 2030) cùng với đà tăng trưởng của thị trường bất động sản là cơ hội để Công trình Viettel đẩy mạnh, mở rộng kinh doanh xây dựng hạ tầng đô thị, hạ tầng thông minh trong chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh xây dựng ra ngoài Viettel của mình.

Tận dụng nguồn kỹ sư, công nhân xây dựng lành nghề với hơn 8.000 người và 20 năm kinh nghiệm trong xây dựng công trình, đồng thời mạng lưới kỹ sư phân bố khắp 62 tỉnh thành cả nước; Công trình Viettel xác định mục tiêu chiến lược tiếp tục đứng đầu thị trường về xây lắp công trình Viễn thông. Đồng thời, Công trình Viettel cũng định hướng mở rộng sang lĩnh vực xây lắp công trình dân dụng, dự kiến tăng trưởng 8%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 nhờ đội ngũ kỹ sư đông đảo, không bị giới hạn về tay nghề xây dựng trên mọi lĩnh vực.

- **Kết quả đạt được:**

• **Tài chính:**

Doanh thu 2019 đạt 1.529 tỷ đồng, chiếm 30% tổng doanh thu 2019 và tăng so 2% với 2018. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 đạt 699 tỷ đồng, chiếm 25,9% tổng doanh thu.

• **Số lượng công trình đã hoàn thành:**

Công trình Viettel là đơn vị xây lắp hệ thống truyền dẫn hàng đầu cả nước với những thành tựu: thi công 142.000 km cáp quang, chiếm 45% các tuyến cáp quang của Viettel trên toàn cầu. Công ty đã tiến hành thi công mạng lưới cố định băng rộng trên khắp cả nước, trong đó tiêu biểu là công trình thi công tuyến trục thông tin cáp quang quân sự từ Bắc vào Nam giai đoạn 1 dài gần 2.000 km của Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội. Công ty đã thi công ngầm hóa các tuyến cáp trên các tuyến phố tại nhiều địa phương trên khắp cả nước như công trình ngầm hóa lưới điện trung hạ thế trên đường Hàm Nghi, đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ của công ty Điện Lực Sài Gòn, công trình ngầm hóa các tuyến cáp tại Hà Nội.

Bên cạnh đó, Công trình Viettel chịu trách nhiệm xây lắp toàn bộ trạm phát sóng của Viettel với 50.000 trạm, đưa Viettel trở thành mạng di động có mạng lưới số 1 tại Việt Nam. Đặc biệt, ngoài các trạm BTS tại khu vực đồng bằng, Công ty còn là đơn vị đi đầu trong thực hiện thi công lắp đặt trạm thông tin di động tại các vùng sâu vùng xa, miền núi và hải đảo. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống thiết bị 2G, 3G, 4G cho Viettel trong nước cũng như tại các thị trường nước ngoài ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

• **Khách hàng và thị trường mục tiêu:**

Bên cạnh lĩnh vực viễn thông, Công trình Viettel tập trung tìm kiếm nguồn việc từ các đơn vị khác như đài phát thanh truyền hình, các đơn vị dự báo thời tiết, các dự án lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Chính phủ với mục tiêu là đứng đầu thị trường xây lắp viễn thông và công nghệ thông tin của Việt Nam.

c. **Hạ tầng cho thuê (Towerco):**

- **Ngành nghề kinh doanh:** đầu tư cho thuê hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin.

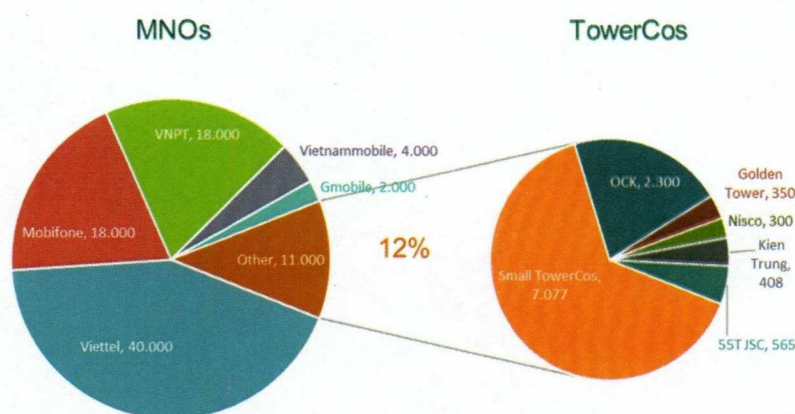
- **Xu thế ngành và chiến lược của công ty:**

Xu hướng chia sẻ hạ tầng viễn thông ngày càng phổ biến trên thế giới. Nhiều nhà mạng có xu hướng giảm bớt sở hữu các tài sản cố định thụ động như cột antenna, nhà trạm,...(bán đứt hoặc

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

bán-thuê lại - “Sale-and Leaseback” cho TowerCo) để tạo ra giá trị từ việc: 1) tối ưu chi phí vận hành; 2) tiết kiệm chi phí đầu tư, giải phóng dòng tiền để tập trung vào các hoạt động cốt lõi và 3) tăng khả năng sinh lời, biến hạ tầng mạng lưới từ “cost center” thành “profit centre”. Theo TowerExchange, các TowerCo trên thế giới sở hữu tới 84% trạm BTS trên thế giới với biên lợi nhuận EBITDA bình quân từ 50 - 70%, cao hơn từ 2 – 3 lần biên lợi nhuận EBITDA của các nhà mạng viễn thông (20 – 30%). Tại Việt Nam, thị trường TowerCo được đánh giá là giàu tiềm năng do mật độ thâm nhập của TowerCo thấp, chỉ 17% số trạm BTS tại Việt Nam do các TowerCo sở hữu, đồng thời thị trường cũng phân mảnh, không có công ty nào chi phối thị trường. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam, đại diện là Bộ Thông tin & Truyền thông (TTTT) cũng đưa ra nhiều chính sách thúc đẩy chia sẻ hạ tầng giữa các nhà mạng như Chỉ thị 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 về việc tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động; giàn xếp cho các nhà mạng Viettel, VNPT, MobiFone, Gtel ký thỏa thuận dùng chung lẫn nhau 1.200 trạm vào ngày 10/06/2020.

Tỷ lệ sở hữu trạm BTS của các doanh nghiệp tại Việt Nam thời điểm 31/12/2019



Mục tiêu chiến lược của Công trình Viettel là cung cấp 1 hệ sinh thái dịch vụ hạ tầng viễn thông cho các nhà mạng bao gồm: xây dựng hạ tầng, cho thuê hạ tầng và VHKT hạ tầng. Với vị thế số 1 về xây lắp và VHKT hạ tầng tại Việt Nam, Công trình Viettel chắc chắn sẽ tạo ra nhiều giá trị cho các bên thuê lại hạ tầng của Công ty.

Công trình Viettel có 2 yếu tố cốt lõi mang lại lợi thế so với các đơn vị khác. Đầu tiên, Công trình Viettel là một thành viên của Tập đoàn Viettel, là một phần của hệ sinh thái Viettel và được sự hỗ trợ lớn của Tập đoàn mẹ. Thứ hai, Công trình Viettel có **tiềm lực tài chính dồi dào và vững mạnh** khi không có nợ vay ngân hàng, là cơ sở vững chắc tiến hành các hoạt động đầu tư hạ tầng cho tương lai.

- Kết quả đạt được:

Về tài chính: doanh thu 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 đạt lần lượt 55,2 tỷ và 27,6 tỷ tương đương với 1,1% và 1% tổng doanh thu của CTR.

Về quy mô: hạ tầng tính đến 6/2020 của Công trình Viettel bao gồm 700 trạm BTS và 2.600 km cáp quang, trở thành TowerCo số 2 Việt Nam về số lượng trạm (sau Công ty OCK Towers). Tuy vậy, do mới triển khai kinh doanh được hơn 1 năm nên hạ tầng của Công trình Viettel còn rất nhỏ so với quy mô hạ tầng của toàn Việt Nam khi số trạm BTS chỉ bằng 0,7% số trạm của cả nước

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(95.000 trạm). Điều này cho thấy tiềm năng phát triển hạ tầng khổng lồ của Công trình Viettel trong tương lai.

d. Giải pháp tích hợp:

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Trong mảng kinh doanh mới này, Công ty tập trung vào 2 mảng năng lượng và cơ điện. Các sản phẩm của Công ty là: Giải pháp năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo; Giải pháp cơ điện (điện tử, điện dân dụng ...); Giải pháp ICT (wifi, camera ...); Giải pháp thông minh (Smartcity,...).

- **Xu thế và chiến lược ngành của Công ty:**



Về phần Năng lượng: Theo dự báo của Viện Năng lượng (Bộ Công thương), trong giai đoạn 2020 – 2025, tổng công suất điện mặt trời tăng trưởng bình quân 9,5% / năm, cao hơn mức tăng trưởng toàn ngành là 6,8%. Sự phát triển của điện mặt trời Việt Nam bắt nguồn từ dự báo thiếu hụt từ 1,5 – 5 tỷ kWh điện mỗi năm trong giai đoạn 2020 – 2023 và đồng thời, Chính phủ quy hoạch giảm thiểu công suất các nguồn điện khác như thủy điện (do thiếu vị trí xây nhà máy), nhiệt điện (do thiếu nguồn cung nguyên liệu đầu vào là than). Nhờ sở hữu nguồn nhân lực đông trên địa bàn cả nước, có nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam, Công Trình Viettel xác định việc cung cấp giải pháp xây lắp và tích hợp điện mặt trời áp mái là mũi nhọn chiến lược trong giai đoạn 2021 – 2025, tập trung hướng đến đối tượng khách hàng nhà xưởng, khu chế xuất, khu công nghiệp, trang trại nông nghiệp, khách hàng cá nhân có mức tiêu thụ điện từ 1,2 triệu đồng/ tháng trở lên.

Về phần Cơ điện: Thị trường Cơ điện (M&E – Mechanical & Electrical) hiện đang là một ngành có nhiều triển vọng tại Việt Nam do tốc độ đô thị hóa cao (năm 2025 đạt khoảng 50%, cao hơn hầu hết các quốc gia đang phát triển), ngành xây dựng, bất động sản có đà tăng trưởng tốt (giai đoạn 2017 - 2025 dự kiến đạt 6,6%/ năm). Trong một dự án công trình dân dụng lớn, phần M&E thường chiếm khoảng 30 - 50% tổng khối lượng. Do đó, Công trình Viettel xác định đây là lĩnh vực phù hợp để tận dụng thế mạnh về nguồn nhân lực có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp công trình xây dựng và hướng tới cung cấp dịch vụ cơ điện cho các dự án mà Công Trình Viettel tham gia xây dựng của các chủ đầu tư như FLC, VinGroup, SunGroup, Flamingo, khách hàng cá nhân có nhu cầu (là những khách hàng có quan hệ thương mại tốt với Viettel).

- **Kết quả đạt được:**

Về tài chính: Doanh thu 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 đạt lần lượt 140,8 tỷ và 184,6 tỷ tương đương với 2,8% và 6,8% tổng doanh thu của CTR.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.3. Nền tảng tài sản – đất đai của Công ty:

a. Danh mục tài sản cố định tại 30/06/2020:

- Công ty mẹ:

Đơn vị tính: (Triệu Đồng)

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I. TSCĐ hữu hình	506.175	377.014	74%
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.572	6.599	57%
Máy móc, thiết bị	65.745	32.513	49%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	425.423	337.112	79%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.435	790	23%
II. TSCĐ vô hình	26.288	16.256	62%
Quyền sử dụng đất	24.337	14.891	61%
Phần mềm máy vi tính	1.951	1.365	70%
Tổng cộng	532.463	393.270	74%

Nguồn: BCTC soát xét bán niên công ty mẹ 2020 của CTR

- Hợp nhất

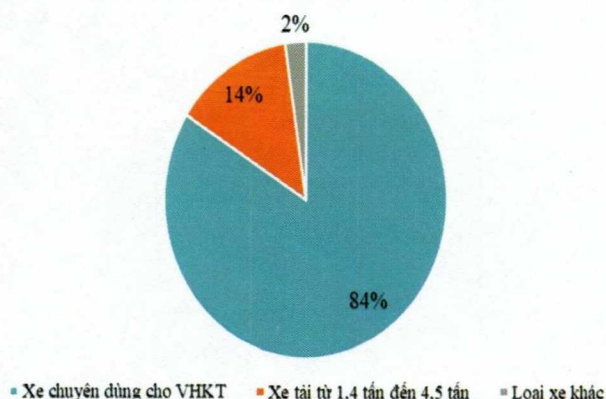
Đơn vị tính: (Triệu Đồng)

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I. TSCĐ hữu hình	508.642	377.654	74%
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.572	6.599	57%
Máy móc, thiết bị	66.051	32.513	49%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	427.584	337.752	79%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.435	790	23%
II. TSCĐ vô hình	26.288	16.256	62%
Quyền sử dụng đất	24.337	14.891	61%
Phần mềm máy vi tính	1.951	1.365	70%
Tổng cộng	534.930	393.910	74%

Nguồn: BCTC soát xét bán niên hợp nhất 2020 của CTR

Tình hình quản lý xe cộ, vận tải công ty mẹ:

Cơ cấu phương tiện vận tải theo loại



STT	Loại xe	Số lượng
I	Xe chuyên dùng cho VHKT	494
I.1	Xe bán tải	483
I.2	Xe tải gắn cầu	9
I.3	Xe boongo III	2
II	Xe tải từ 1,4 tấn đến 4,5 tấn	80
II.1	Xe tải 1,4 tấn	3
II.2	Xe tải 1,9 tấn	71
II.3	Xe tải 3,5 tấn	5
II.4	Xe tải 4,5 tấn	1
III	Loại xe khác	14
III.1	Xe 7 chỗ	13
III.2	Xe 29 chỗ	1

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Xe tải Hino 1,9 tấn



Xe tải hino 15 tấn



Xe bán tải Hilux



Xe bán tải có cầu trục

b. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai;

TT	Địa chỉ lô đất	Thời hạn sử dụng đất	Diện tích (m2)	Mục đích SD đất theo GCN QSDĐ	Hiện trạng sử dụng	Hình thức trả tiền đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với lô đất
1	Thửa đất số 908, tờ bản đồ số 58 (theo tài liệu 2004) xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	Đến 03/04/2060	3.364,3	Đất ở xây văn phòng	để trống	Đất thuê 50 năm trả tiền một lần	Đã thanh toán đầy đủ
2	Thửa đất số 300, tờ bản đồ số 112, Lô số A2-9, thuộc khu dân cư Phong Bắc - Hòa Thọ, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Lâu dài	3.850	Đất để ở	Văn phòng	Đất ở lâu dài trả tiền thuê đất một lần	Đã thanh toán đầy đủ

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

5.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng/giảm 2019/2018	6 tháng đầu năm 2020
1	Tổng tài sản	2.136.412	2.285.521	7%	2.855.442
2	Vốn chủ sở hữu	732.413	844.255	15%	944.334
3	Doanh thu thuần	4.030.502	4.790.771	19%	2.552.732
4	Lợi nhuận gộp	216.040	275.188	27%	161.092
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	166.638	215.270	29%	122.648
6	Lợi nhuận khác	18.186	17.373	-4%	1.300
7	LNTT	184.824	232.643	26%	123.949
8	LNST	153.827	188.524	23%	100.079
9	Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt trên mệnh giá	10%	10%		
10	Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu trên mệnh giá	17%	16%		
11	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	82,71%	83,71%		

b. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực	2018	2019	% tăng/giảm 2019/2018	6 tháng đầu năm 2020
1	Tổng tài sản	2.320.859	2.448.539	6%	3.057.819
2	Vốn chủ sở hữu	775.823	881.892	14%	979.348
3	Doanh thu thuần	4.276.731	5.053.711	18%	2.685.680
4	Lợi nhuận gộp	258.759	293.843	14%	171.012
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	171.161	212.334	24%	122.706
6	Lợi nhuận khác	18.500	17.312	-6%	1.161
7	LNTT	189.661	229.646	21%	123.866
8	LNST	146.958	180.908	23%	98.442
	Trong đó: LNST của cổ đồng công ty mẹ	146.909	180.893	23%	98.435

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên soát xét 2020 của CTR

Trong năm 2019, kết quả kinh doanh của Công trình Viettel có sự tăng trưởng mạnh nhờ đẩy mạnh các hoạt động xây lắp và VHKT ngoài Tập đoàn Viettel, cụ thể tổng doanh thu và LNST hợp nhất tăng trưởng hai con số lần lượt 18% và 23% so với cùng kỳ. Ngoài ra, trong năm 2019, giá vốn hàng bán hợp nhất tăng 18%, chi phí quản lý giảm 3,44% so với cùng kỳ dẫn tới LNST tăng 23%, cao hơn mức tăng trưởng doanh thu là 18%.

Trong năm 2018, 2019, CTR ghi nhận lần lượt 18,5 tỷ và 17,3 tỷ đồng lợi nhuận khác. Đây chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình CTR đã triển khai trong giai đoạn 2017 – 2018. Khoản dự phòng này được CTR trích 5% giá trị hợp đồng xây lắp làm khoản dự phòng để dùng cho mục đích sửa chữa nếu phát sinh, thời hạn bảo hành thường là 1 năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid 19 nhưng kết quả kinh doanh của Công trình Viettel vẫn tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ cụ thể:

- Doanh thu 6 tháng đạt 2.686 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 98,4 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ.

5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

a. Những nhân tố thuận lợi:

- Vận hành khai thác:

- Xu hướng managed service tăng, mảng vận hành khai thác mạng viễn thông có tiềm năng phát triển tốt, ổn định bền vững, phục vụ khách hàng trong và ngoài tập đoàn, phục vụ 62 tỉnh thành, tiến tới toàn bộ Việt Nam, mở rộng tại thị trường Myanmar, Campuchia.
- Sự thay đổi về thị hiếu của người dùng đối với các công nghệ cố định băng rộng khác nhau (ví dụ FTTH, ADSL, Cable...) cũng tạo ra những nhu cầu mới cho dịch vụ VHKT.
- Quyết tâm của Chính phủ trong ứng dụng công nghệ 5G với mục tiêu thương mại hóa mạng 5G bằng thiết bị make in Vietnam mang cơ hội kinh doanh mới cho công ty.

- Xây dựng: Cơ cấu dân số trẻ (cơ cấu dân số trẻ với 70% dân số có độ tuổi dưới 35), tốc độ đô thị hóa cao (giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ dân thành thị tiếp tục tăng đạt 40,91% vào năm 2025 và 44,45% năm 2030) cùng với đà tăng trưởng của thị trường bất động sản là cơ hội để CTR đẩy mạnh, mở rộng kinh doanh xây dựng hạ tầng đô thị.

- Đầu tư cho thuê hạ tầng:

- Xu hướng phát triển: Xu hướng sở hữu hạ tầng tách khỏi Telco, xã hội hóa hạ tầng viễn thông là cơ hội CTR đầu tư cho thuê hạ tầng trạm BTS, hệ thống ngầm hóa.
- Tiềm năng thị trường: Tại Việt Nam, các TowerCo mới chỉ sở hữu khoảng 12% số lượng towers – thể hiện mức độ thâm nhập rất thấp so với khu vực và thế giới, quá trình hợp nhất của các TowerCo do tư nhân sở hữu đang diễn ra mạnh mẽ.
- Sự bùng nổ về lưu lượng sử dụng data dẫn tới nhu cầu đầu hạ tầng viễn thông tạo động lực tăng trưởng cho các ngành nghề kinh doanh chính của Công trình Viettel.

- Năng lượng & Cơ điện:

- Thu nhập người dân cải thiện với bình quân GDP đầu người năm 2019 đạt gần 2.800 USD (tăng 33% so với năm 2015 - 2.109 USD), tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2016 - 2019 đạt 7,35%) góp phần nâng cao mức sống, cầu tiêu dùng của người dân.
- Chính phủ thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; phát triển đô thị thông minh, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tạo cơ hội cho CTR mở rộng kinh doanh các dịch vụ về các giải pháp năng lượng thông minh, cơ điện cho doanh nghiệp và hộ gia đình.

b. Những nhân tố khó khăn:

- Vận hành khai thác: Các hợp đồng vận hành khai thác chỉ có thời hạn là 01 năm và hàng năm Công trình Viettel sẽ phải đấu thầu lại các hợp đồng vận hành khai thác này. Trong khi đó, hầu hết các khách hàng lớn của Công trình Viettel đều là các doanh nghiệp nhà nước dẫn tới thời gian lập, trình phê duyệt các gói thầu thường kéo dài; ảnh hưởng tới tiến độ ghi nhận doanh thu của Công trình Viettel.

- Xây dựng: Mảng xây dựng công trình viễn thông là một trụ cột đem lại doanh thu và lợi nhuận chính cho Công trình Viettel. Từ trước 2016, tốc độ tăng trưởng của mảng này trung bình 6%/năm, tuy nhiên nhu cầu xây dựng mới hạ tầng viễn thông đang có xu hướng giảm dần.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- **Đầu tư hạ tầng cho thuê:** Các nhà mạng vẫn muốn sở hữu mạng lưới như là một yếu tố để đảm bảo khả năng cạnh tranh. Mặc dù Bộ TT&TT có chủ trương khuyến khích việc chia sẻ hạ tầng giữa các nhà mạng nhưng chưa phải là quy định bắt buộc. Việc chia sẻ hạ tầng giữa các nhà mạng chủ yếu dừng ở việc trao đổi 1-1 hơn là kinh doanh hạ tầng.
- **Năng lượng & Cơ điện:**
 - Mức độ cạnh tranh khốc liệt: Việc gia nhập ngành chậm so với các đối thủ đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng tìm ra lợi thế cạnh tranh của mình từ đó xác lập vị thế trên thị trường.
 - Thay đổi thị hiếu của khách hàng: Cùng với tốc độ phát triển của cuộc cách mạng 4.0, thị hiếu tiêu dùng của khách hàng thay đổi nhanh chóng là thách thức lớn đối với Công ty trong công tác dự báo, nắm bắt chính xác nhu cầu khách hàng nhằm phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh.

6. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

a. Công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	2018	2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,47	1,37
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,18	1,14
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
1	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,66	0,63
2	Hệ số Nợ vay / Tổng tài sản	-	-
3	Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	1,92	1,71
4	Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	-	-
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	8,75	12,14
2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	2,18	2,16
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3,82%	3,94%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	22,49%	23,89%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	8,30%	8,49%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,13%	4,49%
5	Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	29,68%	31,06%
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	27%	26%

Nguồn: BCTC riêng năm 2018 và 2019 của Công Trình Viettel

b. Hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	2018	2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,46	1,36
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,18	1,13

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Chỉ tiêu	2018	2019
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
1	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,67	0,64
2	Hệ số Nợ vay / Tổng tài sản	-	-
3	Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	1,99	1,78
4	Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	-	-
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	8,63	11,72
2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	2,06	2,11
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3,44%	3,58%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	19,92%	21,83%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	7,08%	7,56%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,00%	4,20%
5	Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	28,35%	29,80%
6	Thu nhập trên cổ phần EPS (đồng /cổ phiếu)	2.420	2.980

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018 và 2019 của Công Trình Viettel

c. Phân tích chỉ tiêu tài chính:

Trong năm 2019, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn và khả năng sinh lời hợp nhất đều có sự cải thiện và tốt hơn các đơn vị cùng ngành cụ thể:

- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công trình Viettel thể hiện sự an toàn về tài chính hơn các công ty cùng ngành. Chỉ số Nợ phải trả/Tổng tài sản năm 2019 mức 0,64 lần. Bên cạnh đó, CTR không sử dụng đến đòn bẩy tài chính (hệ số nợ vay / tổng tài sản = 0) trong hoạt động kinh doanh trong khi các công ty cùng ngành khác đang niêm yết trên thị trường chứng khoán đều sử dụng đòn bẩy tài chính với hệ số nợ vay / tổng tài sản bình quân đạt 0,18 lần
- Về chỉ tiêu sinh lời, hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 21,83%, tăng so với cùng kỳ trong khi ROE bình quân các công ty cùng ngành đang niêm yết trên thị trường chứng khoán đều giảm. Về giá trị tuyệt đối, ROE năm 2019 của CTR cao gấp 3 lần so với bình quân của các công ty cùng ngành trên sàn chứng khoán đạt 6,8%.

7. Mục tiêu chiến lược 2020 – 2025 và Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	KH Năm 2020 (**)	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019
1	Tổng doanh thu	5.094	6.000	18%
2	Lợi nhuận sau thuế	181	199	10%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	3,6%	3,3%	
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	30%	28%	
5	Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá (*)	26%	10%-20%	

Nguồn: Công Trình Viettel

(*) Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá gồm 10% cổ tức bằng tiền mặt và 16% cổ tức bằng cổ phiếu.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(**) KH năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông CTR thông qua tại Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020. Hiện nay, Công ty chưa Xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể cho năm 2021.

Tình hình kinh doanh 2020: Tính đến quý III/2020, tổng doanh thu hợp nhất lũy kế 9 tháng đầu năm của CTR đạt 4.235 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 70,5% kế hoạch năm 2020. LNST hợp nhất lũy kế 9 tháng đầu năm cũng đạt 168 tỷ đồng, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 84,8% kế hoạch năm 2020.

Về chiến lược 2021 - 2025: Đến năm 2025, CTR trở thành công ty đầu tư và cho thuê hạ tầng hàng đầu Việt Nam, mở rộng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác chuyên nghiệp ra các thị trường nước ngoài, phát triển các giải pháp về nguồn, năng lượng thông minh cho ngành viễn thông cũng như các ngành nghề khác. CTR sẽ tiếp tục tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức cao, tương ứng là 14%/ năm và 15%/ năm, trong đó lĩnh vực Hạ tầng cho thuê chiếm tỷ trọng 22% tổng doanh thu, lĩnh vực Vận hành khai thác chiếm 48%, lĩnh vực Xây lắp chiếm 16% và lĩnh vực Năng lượng và Cơ điện chiếm 14%. Để đạt được các mục tiêu này, CTR sẽ đẩy mạnh đầu tư cho thuê hạ tầng hiện đại, chuyên nghiệp, đón đầu xu thế công nghệ, có khả năng dùng chung cho nhiều lĩnh vực, tiếp tục công cụ hóa, số hóa, ứng dụng giải pháp công nghệ để tăng năng suất lao động, tối ưu chi phí, xây dựng hệ sinh thái đối tác toàn diện và gắn kết chặt chẽ.

Về kế hoạch SXKD:

- Doanh thu: Đạt 10.000 – 11.400 tỷ đồng vào năm 2025, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 14%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 300-500 tỷ đồng vào năm 2025, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 15%/năm.

8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có.

9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: Không có.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông.
2. **Mệnh giá:** 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.
3. **Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng: 7.746.801 cổ phần** (chiếm 11% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

4. Giá khởi điểm đầu giá:

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel đã thực hiện đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom từ ngày 31/10/2017 với giá tham chiếu 26.000 đồng/cổ phiếu và trở thành công ty con đầu tiên của Tập đoàn Viettel đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán. Theo quy định tại tiết 1c, Khoản 12, Điều 1, Nghị định 32/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp, việc xác định giá khởi điểm khi đầu giá chuyển nhượng vốn nhà nước dựa trên:

- (1) Giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định: 43.084 đồng/cổ phiếu
- (2) Trường hợp giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định thấp hơn giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn thì lấy giá tham chiếu bình quân này làm giá khởi điểm.

5. Phương pháp tính giá:

Ngày 19/10/2020, Chủ tịch Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội đã ký Quyết định số 3891/QĐ-CNVTQĐ về việc Tập đoàn thoái vốn cổ phần tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel thông qua đầu giá công khai cổ phần, trong đó giá khởi điểm đầu giá cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel thuộc sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội là 43.100 đồng/cổ phần. Mức giá khởi điểm này được xác định dựa trên các căn cứ như sau:

- (1) Giá gốc đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;
- (2) Chứng thư thẩm định giá giá trị vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel thời điểm 30/06/2020 số 20P01TĐ0754 ngày 09/10/2020 do Công ty CP Thẩm định giá Vinacontrol ban hành. Trong đó, các phương pháp thẩm định giá được sử dụng bao gồm: Phương pháp tài sản, phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần tự do và phương pháp thị trường.

Ngày 18/08/2020, Công trình Viettel đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 16,05% (tương ứng với 9.710.616 cổ phiếu) theo phương án trả cổ tức đã được ĐHĐCĐ CTR phê duyệt theo Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020;

Vốn điều lệ sau khi hoàn thành trả cổ tức bằng cổ phiếu là 704.081.250.000,;

Căn cứ văn bản số 3340/VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 của CTR về việc chi trả cổ tức năm 2019, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội sở hữu số cổ phần sau khi nhận cổ tức năm 2019 là 51.554.737 cổ phần.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Giá cổ phần tổ chức thẩm định giá đề xuất sau khi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phần là 43.100 đồng/cổ phần.

(3) Giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn: Đấu giá công khai thông thường qua Sở GDCK Hà Nội

7. Tổ chức đấu giá:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Địa chỉ: số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

8. Tổ chức xây dựng phương án chuyển nhượng vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn (dự kiến): Quý IV/2020

10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:

Được quy định tại Quy chế đấu giá cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công trình Viettel là 1) Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác; và 2) Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông. Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tuy nhiên điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam không có quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài. Hiện tại, cổ phiếu CTR đang được đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom tại SGDCK Hà Nội với giới hạn tỷ lệ nhà đầu tư nước là 49%.

Hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 532.937 cổ phần tương đương 0,8%. Vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia đấu giá và được mua tối đa toàn bộ số cổ phần chào bán

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có

13. Các loại thuế có liên quan:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 “Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính”.

14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn (như hồ sơ đấu giá, phương tiện, địa điểm công bố thông tin, chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và các thông tin khác chưa có trong quy chế đấu giá và bản công bố thông tin này): Không có

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

Thực hiện theo Công văn số 3409/BQP-KTe ngày 10/09/2020 của Bộ Quốc Phòng về việc phương án Viettel thoái vốn đầu tư tại Công trình Viettel và Quyết định số 3891/QĐ-CNVTQĐ ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội về việc Tập đoàn giảm vốn đầu tư tại Công trình Viettel.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3726 2600 Fax: (024) 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

2. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3941 2626 Fax: (04) 3936 0750
Website: www.hnx.vn

3. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

(Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017, 2018 và 2019 của Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel)

Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3824 1990 Fax: (024) 3825 3973
Website: aasc.com.vn

4. Tổ chức định giá:

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ VINACONTROL

(Công ty thẩm định giá cổ phần Tổng Công ty Cổ Phần Công trình Viettel)

Trụ sở chính: Số 54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3943 3840 Fax: (024) 3943 3844
Website: vinacontrol.com.vn

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG

THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐĂNG DŨNG

✓ **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

PHÓ GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN THỊ THANH VÂN

